

Số: /BC-SGTVT

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO

Xây dựng chiến lược phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia (giai đoạn 2021-2030)

Thực hiện Công văn số 302/KHCN-VP ngày 29/3/2021 của Sở Khoa học và công nghệ về việc phối hợp cung cấp thông tin xây dựng chiến lược phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030, Sở Giao thông vận tải cung cấp thông tin như sau:

I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KHCN VÀ ĐMST CỦA SỞ GIAI ĐOẠN 2021-2030

1. Tổng quan kết quả chủ yếu đạt được

1.1. Nâng cao nhận thức đối với KHCN và ĐMST trong phát triển của Sở:

Nhận thức rõ tầm quan trọng của KHCN và ĐMST trong phát triển của đất nước, tỉnh và của Sở, Sở đã tổ chức quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện tốt các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Khoa học và công nghệ, UBND tỉnh Bắc Giang về KHCN và ĐMST như: Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết trung ương 6 khóa XI về “Phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Kết luận số 52-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban bí thư về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW 7 khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước; Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030; Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Quyết định số 188/2002/QĐ-TTg ngày 31/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình hành động của chính phủ thực hiện kết luận của hội nghị lần thứ sáu ban chấp hành Trung ương đảng khoá IX về khoa học và công nghệ; Quyết định số 1285/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 21/01/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về tăng cường hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang...

1.2. Thành tựu và đóng góp của KH&CN và ĐMST trong phát triển

Trong những năm qua KH&CN và ĐMST đã đóng góp quan trọng trong cải thiện chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, nâng cao rõ rệt năng suất lao động, bảo đảm quốc phòng, an ninh, góp phần phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu... Cụ thể:

+ Phạm vi quốc gia: KH&CN và ĐMST góp phần vào thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước đạt khoảng 6,35%/năm trong cả giai đoạn 2011-2020, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới; nâng GDP bình quân đầu người tăng từ 1.332 USD năm 2010 lên hơn 3.000 USD năm 2020, đạt mục tiêu chiến lược đề ra. Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2011-2015 là 4,3%/năm, giai đoạn 2016-2020 là 5,8%/năm, đạt tốc độ cao nhất trong các nước ASEAN.

+ Lĩnh vực xây dựng, giao thông: Đã làm chủ công nghệ thiết kế, thi công các nhà máy thủy điện lớn, phát triển nguồn điện, lưới điện, hệ thống điều khiển - điều độ - thông tin - viễn thông điện lực, công trình ngầm, nhà cao tầng, cầu dây văng, đường cao tốc đạt chuẩn quốc tế...

+ Lĩnh vực quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia: Khoa học kỹ thuật và công nghệ quân sự tập trung nghiên cứu, từng bước làm chủ thiết kế, chế tạo một số loại vũ khí thông thường; tiếp cận một số lĩnh vực công nghệ mũi nhọn có trình độ cao; tăng cường chuyển giao tiến bộ KH&CN. Trong lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia, thành tựu KH&CN đã được ứng dụng vào các lĩnh vực quản lý an ninh thông tin, công tác điện đài và nâng cao hiệu quả công tác an ninh thông tin, phản gián điện đài, công tác ngoại tuyến, quản lý xuất nhập cảnh. Các nghiên cứu khoa học đã góp phần giải quyết một số vấn đề phức tạp nổi lên trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, đảm bảo trật tự an toàn xã hội trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế, phòng, chống tội phạm có tổ chức, tội phạm có yếu tố nước ngoài, tội phạm về kinh tế, ma túy, tham nhũng, môi trường, tội phạm hình sự nguy hiểm, hoạt động có tổ chức, liên tỉnh, liên tuyến.

+ Lĩnh vực y tế: Nghiên cứu, sản xuất vắc xin phục vụ chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia; thuốc điều trị ung thư, tim mạch, tiểu đường, chống thải ghép... mang lại nguồn thu lớn cho doanh nghiệp. Nhiều thành tựu trong lĩnh vực cấy ghép tạng, ghép đa tạng,... là kết quả của quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia.

+ Lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông: Vùng phủ sóng 4G của các doanh nghiệp viễn thông ngày càng mở rộng và có khả năng cung cấp dịch vụ cho trên 95% dân số; đang tập trung nghiên cứu để phát triển mạng 5G.

1.3. Về tiềm lực KH&CN và ĐMST của Sở

- Số lượng Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ: 00 người.
- Số lượng phòng thí nghiệm, trạm, trại thực nghiệm của Sở: Không.
- Số lượng viện nghiên cứu: Không.
- Số lượng các tổ chức trung gian hỗ trợ về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, chuyển giao công nghệ: Không.

- Các chương trình, cơ chế liên kết, hợp tác giữa nghiên cứu, đào tạo và chuyên gia tri thức ứng dụng thực tiễn của Sở: Không.
- Số tạp chí khoa học của Sở: Không.
- Các khu công nghệ cao, các hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST, các trung tâm ĐMST ở địa phương: Không.
- Tổng kinh phí Nhà nước đầu tư cho xây dựng tiềm lực KHCN của Sở theo các giai đoạn 5 năm 2011-2015 và 2016-2020: Không.

1.4. Về thực hiện các nhiệm vụ KHCN và hoạt động ĐMST ở Sở

a. Thực hiện các nhiệm vụ KHCN của Sở

- Tổng số nhiệm vụ KHCN đã thực hiện theo các giai đoạn 5 năm 2011-2015 và 2016-2020: Không.
- Tổng kinh phí đã thực hiện theo các giai đoạn 5 năm 2011-2015 và 2016-2020: Không.
- Tỷ lệ số nhiệm vụ KHCN có kết quả được ứng dụng vào thực tiễn/ tổng số nhiệm vụ KHCN đã thực hiện theo các giai đoạn 5 năm 2011-2015 và 2016-2020: Không.
- Số lượng các sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng, vật nuôi mới/tổng số các KHCN đã thực hiện theo các giai đoạn 5 năm 2011-2015 và 2016-2020: Không.
- Các giải thưởng KHCN cho tổ chức, cá nhân thuộc Sở: Không.

b. Hoạt động ĐMST của Sở

- Các chính sách hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động ĐMST được ban hành theo thẩm quyền: Không.
- Tình hình hoạt động của các sàn giao dịch công nghệ (số lượng và hoạt động của các sàn giao dịch công nghệ); số lượng hợp đồng và tổng giá trị giao dịch trên thị trường KHCN theo các giai đoạn 5 năm 2011-2015 và 2016-2020: Không.
- Tình hình hoạt động ĐMST của các doanh nghiệp thuộc Sở: Khuyến khích, động viên công chức, viên chức, người lao động đăng ký đề tài, sáng kiến. Mỗi năm có khoảng 03-04 đề tài, sáng kiến được công nhận (chiến sỹ thi đua cấp cơ sở).
- Tình hình hoạt động của các tổ chức hỗ trợ ĐMST của Sở: Không.
- Tình hình hoạt động của các khu công nghệ cao/ ứng dụng công nghệ cao, các hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST, các trung tâm ĐMST tại Sở: Không.
- Tình hình hợp tác, gắn kết giữa viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp trong hoạt động KHCN và ĐMST của Sở: Không.

1.5. Về đổi mới cơ chế quản lý KHCN và ĐMST của Sở: Không.

1.6. Về hội nhập quốc tế trong KHCN và ĐMST của Sở

- Số lượng các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về KHCN và ĐMST theo các giai đoạn 5 năm 2011-2015 và 2016-2020: Không.

- Kết quả được tạo ra từ các chương trình, dự án theo các giai đoạn 5 năm 2011-2015 và 2016-2020: Không.

II. ĐỀ XUẤT QUAN ĐIỂM VỀ PHÁT TRIỂN KHCN VÀ ĐMST GIAI ĐOẠN 2021-2020

- Đề cao KHCN&ĐMST và coi là một đột phá chiến lược trong phát triển đất nước .

- Chiến lược KHCN&ĐMST tới đây cần có một trụ cột về việc áp dụng công nghệ, tích hợp các giai đoạn công nghệ khác nhau để hỗ trợ các doanh nghiệp với trọng tâm bao gồm cả “khuyến” quản lý và “khuyến” công nghệ.

- Nhấn mạnh vai trò của KHCN&ĐMST trong tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Đề cao vai trò chủ động của các cấp, các ngành trong thúc đẩy KHCN&ĐMST. Cụ thể là làm rõ nội dung KHCN&ĐMST trong các chỉ tiêu, chương trình hành động trên mọi lĩnh vực của các cấp, các ngành, địa phương.

- Tập trung xây dựng thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, tạo nền tảng tăng cường ứng dụng, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển, tiến tới làm chủ một số công nghệ mới.

- Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển nền khoa học Việt Nam. Đặc biệt chú trọng tháo gỡ các rào cản của hệ thống luật pháp và chính sách kinh tế đang gây khó khăn cho hoạt động KHCN&ĐMST.

- Cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách mới, chấp nhận rủi ro cho việc triển khai và ứng dụng công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh mới.

- Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nước ngoài hình thành các trung tâm nghiên cứu và triển khai, đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

- Cơ cấu lại các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ, gắn với nhu cầu xã hội, chuỗi giá trị của sản phẩm, tạo giá trị gia tăng.

- Lựa chọn và tập trung hỗ trợ triển khai nghiên cứu, ứng dụng phát triển công nghệ cho một số ngành và lĩnh vực then chốt.

III. ĐỀ XUẤT MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KHCN VÀ ĐMST TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2021-2030

- Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao những thành tựu KH&CN vào các lĩnh vực sản xuất công nghiệp như: Công nghiệp dệt may, cơ khí, điện tử, chế biến nông, lâm, thủy sản, hóa chất, vật liệu - xây dựng,...

- Triển khai các đề tài, dự án KH&CN liên quan đến tiết kiệm năng lượng, phát triển bền vững. Phát triển và ứng dụng công nghệ xanh, công nghệ cao vào sản xuất.

- Nghiên cứu tiếp cận công nghệ và đổi mới công nghệ, lựa chọn công nghệ thích hợp phục vụ phát triển các ngành mũi nhọn của tỉnh, tạo ra các sản phẩm hàng hóa có năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao trong nước và xuất khẩu.

- Khuyến khích nghiên cứu - ứng dụng các nguồn năng lượng mới, năng lượng mặt trời, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; các biện pháp sử dụng năng lượng hợp lý và tiết kiệm. Xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề; rác thải nông thôn; môi trường đô thị. Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, bảo vệ tài nguyên môi trường; cách mạng công nghiệp 4.0 trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp.

- Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, chọn tạo giống, thu hoạch, bảo quản và chế biến, gắn với xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường, nông nghiệp hữu cơ bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm nâng cao sức cạnh tranh cho nông sản hàng hóa của tỉnh. Ứng dụng KH&CN truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm nông sản.

- Ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã, doanh nghiệp xây dựng các mô hình canh tác tiên tiến; ứng dụng chế phẩm sinh học phục vụ bảo quản sau thu hoạch và chế biến nông sản đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; hình thành chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm sản an toàn, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu; hình thành vùng sản xuất tập trung, chuyên canh các sản phẩm chủ lực nhằm nâng cao giá trị, sức cạnh tranh của sản phẩm.

- Nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá của tỉnh, các mô hình, các giải pháp phát triển du lịch. Nghiên cứu đổi mới, cải tiến và nâng cao chất lượng học tập, giáo dục và đào tạo.

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHCN VÀ ĐMST CỦA SỞ GIAI ĐOẠN 2021-2030

- Quan tâm áp dụng KHCN và ĐMST vào lĩnh vực xây dựng đường giao thông, đặc biệt là ứng dụng vật liệu mới và phương pháp thi công. Đối với quản lý hoạt động vận tải: Xây dựng và triển khai phần mềm chuyên dùng quản lý hoạt động vận tải mang lại hiệu quả cao, phục vụ tốt cho quản lý.

- Khuyến khích và gắn kết công tác thi đua, khen thưởng với ĐMST: Các đề tài chiến sỹ thi đua phải thực sự là những sáng kiến, sáng tạo, đổi mới, có giá trị cao khi áp dụng vào thực tiễn.

Trên đây là cung cấp thông tin xây dựng chiến lược phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia (giai đoạn 2021-2030) của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và công nghệ;
- tranglt_skhcn@bacgiang.gov.vn;
- Lưu: VT, Ô. Công.

GIÁM ĐỐC



Bùi Thế Sơn